

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/DS-ST
Ngày: 09-7-2019
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Văn Bình.

Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị P, sinh năm 1970. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã A, huyện HN, tỉnh Đ. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hồ Bích H (Văn H), sinh năm 1966. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã A, huyện H, tỉnh Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2019, trong quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Phan Thị P, trình bày: Vào ngày 27/10/2016 âm lịch ông H có đến cửa hàng của bà để mua vật tư nông nghiệp như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật... với tổng số tiền còn nợ chưa trả là 10.135.000đ. Sau đó, ngày 28/12/2017 âm lịch bà đến nhà ông H đòi nợ thì ông H trả được cho bà 4.000.000đ và còn nợ lại 6.135.000đ thì ông H không trả. Bà có đến nhà ông H yêu cầu trả tiền còn nợ nhiều lần nhưng ông H hứa lần hứa lựa không trả tiền. Sau

đó bà nộp đơn thưa ông H tại Ủy ban nhân dân xã A, yêu cầu ông H trả số tiền còn nợ, lúc đó vợ ông H là bà Lê Thị T đến hòa giải và hứa trả tiền cho bà mỗi tháng 500.000đ, bà cũng đồng ý. Đến tháng 10/2018 thì ông H nhờ ông L không rõ họ tên, năm sinh, địa chỉ đầy đủ là cán bộ ở xã gọi trả cho bà được 500.000đ và sau đó thì không trả nữa cho đến nay. Như vậy, tổng cộng ông H trả cho bà được 4.500.000đ còn nợ lại 5.635.000đ. Nay bà yêu cầu ông Hồ Bích H trả cho bà số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 5.635.000đ, không yêu cầu tính lãi và cũng không yêu cầu vợ ông H là bà Lê Thị T cùng trả nợ, vì ông H là người trực tiếp mua vật tư nông nghiệp của bà. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2019 bị đơn ông Hồ Bích H, trình bày: Ông có mua vật tư nông nghiệp của bà P, mua khi nào không nhớ còn nợ lại 5.635.000đ. Lúc trước bà P có kiện ông tại Ủy ban nhân dân xã, ông có thừa nhận nợ và hứa trả nhưng do không có khả năng nên hiện nay chưa trả xong nợ. Ông thống nhất trả cho bà P 5.635.000đ tiền mua vật tư nông nghiệp. Trong giấy chứng minh nhân dân ông tên đầy đủ là Hồ Bích H. Khi bà P kiện ở xã thì vợ ông đến hòa giải thay ông, vì ông bận công việc nhưng thực tế ông là người mua vật tư nông nghiệp của bà P. Ngoài ra, ông không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị P. Buộc bị đơn ông Hồ Bích H trả cho bà P số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ 5.635.000đ, vì tại biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2019 ông H đã thừa nhận nợ và thống nhất trả cho bà P số tiền còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Phan Thị P yêu cầu ông Hồ Bích H trả tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ và ông H hiện cư trú tại ấp L, xã A, huyện H, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Hồ Bích H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Xét bà Phan Thị P yêu cầu ông Hồ Bích H trả tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ 5.635.000đ. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông H đã thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp của cửa hàng bà P còn nợ 5.635.000đ và thống nhất trả số tiền còn nợ. Như vậy, ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của người mua. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà P là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Hồ Bích H trả cho bà P số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 5.635.000đ là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Bà Phan Thị P không yêu cầu ông Hồ Bích H trả tiền lãi đối với số tiền còn nợ chậm trả cũng như không yêu cầu bà Lê Thị T là vợ ông H cùng trả nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị P là phù hợp và có căn cứ pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Bích H chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của bà P được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà Phan Thị P được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0004243 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H là phù hợp với quy định tại Điều 144, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị P.

Buộc ông Hồ Bích H trả cho bà Phan Thị P tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 5.635.000đ (Năm triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Ông Hồ Bích H chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

2.2 Bà Phan Thị P được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004243 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/7/2019). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Thùy Dung